PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **KỲ THI HỌC SINH GIỎI LÊ QUÝ ĐÔN**

**HÀM THUẬN BẮC** **ĐỀ THI MÔN NGỮ VĂN LỚP 8**

Thời gian làm bài : 120 phút

(không kể thời gian phát đề)

**PHẦN I. Cảm thụ văn học (3 điểm)**

**Câu 1** (2,0 điểm)

Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“ Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.....”

(Trích Quê hương – Tế Hanh)

**Câu 2** (1,0 điểm): Phân tích giá trị biểu đạt của các từ: **già, xưa, cũ** trong những câu thơ sau:

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già…

Năm nay đào lại nở,

Không thấy ông đồ xưa.

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ ?

(Trích Ông đồ - Vũ Đình Liên)

**PHẦN II. Bài làm văn (7 điểm)**

Bằng những hiểu biết về các văn bản truyện đã học ở chương trình Ngữ văn lớp 8, em hãy chứng minh rằng văn học của dân tộc ta luôn ca ngợi tình yêu thương giữa người với người.

HẾT

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

**PHẦN I**

**Câu 1 (2,0 điểm)**

a. Yêu cầu chung: Học sinh cảm nhận được cái hay, cái đẹp của đoạn thơ, biết cách trình bày dưới dạng một bài văn cảm thụ ngắn.

b. Yêu cầu về nôi dung: Học sinh trình bày được các ý cơ bản sau:

- Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ: tác giả - tác phẩm – vị trí đoạn thơ - Hình ảnh con thuyền và cánh buồm được miêu tả với nhiều sáng tạo. (0,5 điểm)

- So sánh con thuyền với “tuấn mã” với các từ “hăng’, “phăng”, “vượt” đã diễn tả khí thế dũng mãnh của con thuyền đè sóng ra khơi. Con thuyền cũng trẻ trung, cường tráng như những trai làng ra khơi đánh cá phấn khởi, tự tin. (0,5 điểm)

- Hình ảnh “cánh buồm” trắng căng phồng, no gió ra khơi được so sánh với “mảnh hồn làng” sáng lên với vẻ đẹp lãng mạn và nhiều liên tưởng thú vị. (0,5 điểm)

- Tình yêu quê hương, yêu làng trong sáng, sâu sắc của Tế Hanh (0,5 điểm)

**Câu 2 (1,0 điểm)**

- Các từ “già”, “xưa”, “cũ” cùng một trường từ vựng, cùng chỉ một đối tượng là ‘ông đồ” (0,25 điểm)

- Giải thích (0,25 điểm)

+ Già: Cao tuổi, vẫn sống – đang tồn tại.

+ Xưa: Đã khuất - thời quá khứ trái nghĩa với nay.

+ Cũ: Gần nghĩa với xưa – đối lập với mới – hiện tại.

- Ý nghĩa của cách biểu đạt đó: Qua những từ này khiến người đọc cảm nhận được sự vô thường, biến đổi, nỗi ngậm ngùi đầy thương cảm trước một lớp người tàn tạ: ông đồ. (0,5 điểm)

**PHẦN II. Bài làm văn (7 điểm)**

Học sinh có thể trình bày bố cục theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần tập trung làm sáng tỏ các ý sau:

1. Về thể loại: Lập luận chứng minh kết hợp miêu tả, tự sự, biểu cảm.

2. Về nội dung: Văn học của dân tộc ta luôn đề cao tình yêu thương giữa người với người.

- Học sinh cần nắm vững nội dung ý nghĩa và tìm dẫn chứng phù hợp với nội dung vấn đề cần giải quyết.

- Hệ thống các dẫn chứng tìm được sắp xếp theo từng phạm vi nội dung; tránh lan man, trùng lặp.

- Dẫn chứng lấy từ các văn bản truyện đã học trong chương trình Ngữ văn 8, chủ yếu là phần văn học hiện thực.

+ Tình cảm xóm giềng (Tức nước vỡ bờ, Lão Hạc)

+ Tình cảm gia đình (Tức nước vỡ bờ, Lão Hạc, Tôi đi học, Trong lòng mẹ)

3. Về hình thức: Bài viết có bố cục chặt chẽ, đủ ba phần; dẫn chứng chính xác; văn viết trong sáng, có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt; trình bày sạch sẽ; chữ viết rõ ràng.

4. Thang điểm:

- Điểm 6 – 7: Đạt được các yêu cầu về nội dung và hình thức nêu trên.

- Điểm 4 – 5: Đạt được các yêu cầu cơ bản về nội dung và hình thức nêu trên.(chứng minh luận điểm rõ ràng - nổi bật trọng tâm, sắp xếp hợp lý, dẫn chứng chính xác)

- Các thang điểm khác: Tuỳ theo mức độ đạt được của bài viết, người chấm vận dụng linh hoạt nội dung hướng dẫn chấm để ghi điểm phù hợp.

*\* Lưu ý: Điểm toàn bài tính đến số thập phân 0,25.*